

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/6/2024

Về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 25/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé N**, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Số 4, xã M, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Số 4, xã M, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Bé N** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Bé N** và anh **Trần Văn S** tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2006. Thời gian đầu, vợ chồng

sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn do anh S có người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên ghen tuông vô cớ và có đánh đập chị N. Chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Nguyễn Thị Bé N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Trần Văn S có 02 người con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 14/4/2004 và Trần Thị Ngọc V, sinh ngày 30/5/2018, hiện nay đang ở cùng chị N. Ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Thị Ngọc V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Trần Văn H đã trưởng nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bé N xác định chị và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bé N xác định chị và anh S không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định cho anh Trần Văn S nhưng anh S vẫn vắng mặt, do đó không có lời khai của anh Trần Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về thẩm quyền:* Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé N thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Số 4, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Trần Văn S là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2006. Điều đó phù hợp với Giấy chứng

nhận kết hôn của chị N và anh S mà chị N đã giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Bé N và anh Trần Văn S phát sinh mâu thuẫn do anh S có người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên ghen tuông vô cớ và có đánh đập chị N. Chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S vẫn không thay đổi. Hiện nay, mỗi người có cuộc sống riêng và không quan tâm hay hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh S để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do và không có lời khai của anh S. Điều đó chứng tỏ anh S không có thiện chí làm việc, gỡ gỡ nguyên đơn, không có giải pháp hợp lý nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ; trong khi đó chị N xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh S và kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị N ly hôn anh S theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3.2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Trần Văn S có 02 người con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 14/4/2004 và Trần Thị Ngọc V, sinh ngày 30/5/2018. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Vàng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Vàng từ trước đến nay đều sống với chị N, do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị và anh S sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh S cũng không quan tâm, hỏi thăm hay gửi tiền về phụ giúp chị N nuôi con. Do đó, yêu cầu của chị N là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với con chung tên Hà đã trưởng, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bé N ly hôn với anh Trần Văn S.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Bé N được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trần Thị Ngọc V, sinh ngày 30/5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Riêng con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 14/4/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn S có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004183 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Nguyễn Thị Bé N không phải nộp thêm.

6. *Quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Cao Quốc Chiến

